BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024

Tuần 15: Từ 29/04 Đến 05/05/2024

LỚP			12B1.1	12B1.10	12B1.11	12B1.12	12B1.13	12B1.14	12B1.15	12B1.2	12B1.3	12B1.4	12B1.5	12B1.6	12B1.7	12B1.8	12B1.9	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																													
Thứ 2 29/04	Sáng	1																													
		2																													
		3																													
		4																													
		5																													
	Chiều	6																													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 3 30/04	Sáng	1																													
		2																													
		3																													
		4																													
		5																													
	Chiều	6																													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 4 01/05	Sáng	1																													
		2																													
		3																													
		4																													
		5																													
	Chiều	6																													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													

LỚP			12B1.1	12B1.10	12B1.11	12B1.12	12B1.13	12B1.14	12B1.15	12B1.2	12B1.3	12B1.4	12B1.5	12B1.6	12B1.7	12B1.8	12B1.9	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 02/05	Sáng	1	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.202)			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.201)		Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.302)			Địa TN Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.401)	Sử TN Lê Thị Quyên (H5.402)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)			SQL Server Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3	Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)			Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)												
		4				Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.204)							Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.302)																	
		5																												
	Chiều	6		Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.401)					ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)		Địa TN Không Thị An Giang (H5.407)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)			Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.104)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)					Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.105)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	
		7																												
		8		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)					Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.403)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.404)		Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)		Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.407)																
		9													Địa TN Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)															
		10																												
Thứ 6 03/05	Sáng	1	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.407)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.203)		Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.201)			Sử TN Lê Thị Quyên (H5.204)			Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.401)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)	Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Điện tử công suất Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Lý thuyết mạch Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)			Phần mềm mã nguồn mở Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh nâng cao Nguyễn Thị Nhàn (H3.104)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)
		2																												
		3	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.302)																										
		4					Sử TN Lê Thị Quyên (H5.203)		ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)			Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)													
		5																												
	Chiều	6			Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.402)		Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.103)		Toán TN Kim Thành Nam (H5.404)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)		Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.407)				Toán ứng dụng Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	Tiếng anh nâng cao Hà Ngọc Tân (H3.104)	Điều khiển lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Tiếng Anh chuyên ngành Phan Việt Hà (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)					Tiếng anh nâng cao Triệu Văn Dũng (H3.105)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	
		7																												
		8						Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)		Văn TN Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.404)																				
		9			Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa TN Không Thị An Giang (H5.402)					Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)		Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.407)																
		10																												
Thứ 7 04/05	Sáng	1	Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.407)		Văn TN Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Văn TN Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.204)			ToánTN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Toán TN Kim Thành Nam (H5.203)			Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.202)		Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.401)	Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.402)								Phần mềm mã nguồn mở Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)					
		2																												
		3	Toán TN Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)																											
		4			Toán TN Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Toán TN Nguyễn Thị Huyền (H5.204)			Vật lý TN Phạm Thanh Mai (H5.201)	Sử TN Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Văn TN Trần Thị Kim Liên (H5.401)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)													
		5																												
	Chiều	6		Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)			Toán TN Nguyễn Quốc Khánh (H5.404)	Văn TN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Sử TN Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Địa TN Dương Thị Hồng (H5.402)			Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)															
		7																												
		8		Văn TN Lê Thị Tố Quyên (H5.401)																										
		9					Địa TN Dương Thị Hồng (H5.404)	Toán TN Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)			Toán TN Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán TN Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)			Sử TN Lê Thị Quyên (H5.406)															
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024

Tuần 15: Từ 29/04 Đến 05/05/2024

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC1	62TVĐC10_YL	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 29/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 30/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 01/05	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC1	62TVĐC10_YL	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 02/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.101)		Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)				Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	
		2								Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)					
		3					Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)								Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)				Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	
		4					Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)										Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)				Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.304)					
		5								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.102)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)					
	Chiều	6	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)				Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Trang bị điện Trần Văn Kiên ()								Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa ()	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Minh Khang (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()			Phay Vũ Minh Cường (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 03/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)								Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	
		2					Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)																				Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		3					Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)								Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		4					Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.101)		Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)								Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
		5																											Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	
	Chiều	6	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Trang bị điện Lê Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Trang bị điện Trần Văn Kiên ()		Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()		Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Triệu Đình Sơn (H6.202.TH. PLC)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa ()	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Minh Khang (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()		Máy điện Lê Trung Thịnh ()		Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 04/05	Sáng	1	Phay CNC Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)		Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()		Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		2					Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.101)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)				Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	
		3					Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)	Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.403)								Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.406)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.304)					
		4					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)								Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.406)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.102)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.304)				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		5					Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)		Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)											Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)				Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.102)					Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	
	Chiều	6						Điện tử công nghiệp Chu Quốc Thái ()						Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Cung cấp điện Đoàn Mạnh Hà ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()	Lập đặt tủ điện công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()				Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Tiến Nghĩa ()					Kỹ thuật số nâng cao Hoàng Quyết Tiến ()	Lập trình C cho vi điều khiển Nguyễn Văn Chiều ()	Máy điện Lê Trung Thịnh ()		Hàn hồ quang tay Chu Mạnh Vinh ()
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 15: Từ 29/04 Đến 05/05/2024

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																													
Thứ 2 29/04	Sáng	1																													
		2																													
		3																													
		4																													
		5																													
	Chiều	6																													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 3 30/04	Sáng	1																													
		2																													
		3																													
		4																													
		5																													
	Chiều	6																													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													
Thứ 4 01/05	Sáng	1																													
		2																													
		3																													
		4																													
		5																													
	Chiều	6																													
		7																													
		8																													
		9																													
		10																													

LỚP			62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 02/05	Sáng	1		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)			Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)						
		2							Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)									
		3		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)		Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)						Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên ()		
		4		Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)				Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.106)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.404)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lý 4 Không Thị An Giang (H5.106)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)							
		5				Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)						Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)									
	Chiều	6																												
		7		Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Marketing Nguyễn Hồng Hạnh (H3.205)	Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang ()			Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bài TH_Khoa Cơ giới)	Anh văn chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Quách Thu Thảo (H3.111_TH THCB)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 6 03/05	Sáng	1	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.103)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.103)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)						
		2													Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)	Cụm chuyên đề Toán 4 Kim Thành Nam (H5.404)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)		Toán 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.106)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.107)								
		3		Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.307)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)					Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên ()		
		4		Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.103)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.107)							
		5															Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)													
	Chiều	6																												
		7	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương ()	Marketing Nguyễn Hồng Hạnh (H3.205)	Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Quản lý và bổ sung hàng hóa Đặng Đình Hiên (Bài TH_Khoa Cơ giới)	Quản lý và bổ sung hàng hóa Quách Hữu Việt (Bài tập TH2_Khoa Cơ giới)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)		Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 7 04/05	Sáng	1	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.103)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.106)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.307)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.106)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)		Tin học Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)	Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)	Tin học Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB)	Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên ()	
		2				Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)						Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.303)												
		3		Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.107)							
		4		Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.103)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Văn Trường (H5.104)			Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.107)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.107)							
		5				Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)					Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.404)					Toán 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)									
	Chiều	6																												
		7	Tách: Hàn TIG-1-2-2023(N02) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Hàn TIG-1-2-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...)				Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()	Kế toán doanh nghiệp III Trần Việt Anh ()			Kỹ thuật xung số Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Tin học văn phòng Tạ Văn Khoa ()	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Tạ Ngọc Dũng ()	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)		SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)			Bảng tính điện tử Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Thiết kế trình diễn trên máy tính Phùng Thị Minh Phương (H3.111_TH THCB)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Thị Hường ()		Tin học Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)	Tin học Hoàng Tùng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Vật lý ứng dụng Đặng Đình Hiên (X10.101_PHLT Khoa CK)	
		8																												
		9																												
		10																												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024

Tuần 15: Từ 29/04 Đến 05/05/2024

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 2 29/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 3 30/04	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												
Thứ 4 01/05	Sáng	1																												
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6																												
		7																												
		8																												
		9																												
		10																												

LỚP			63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																												
Thứ 5 02/05	Sáng	1	Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Vật lý và hóa học ứng dụng Hà Thanh Sơn (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Đo lường điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.101)									Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật hàn Lê Trung Thịnh (H6.101)	Vật liệu Lê Đức Quảng (H3.105)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)			Máy và dụng cụ cắt Chu Mạnh Hùng (X10.101_PHLT Khoa CK)		Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6		Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Vật lý và hóa học ứng dụng Hà Thanh Sơn (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)		Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Đo lường điện Lỗ Văn Ba ()	Đo lường điện Nguyễn Anh Đức ()	Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()		Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()	Khí cụ điện Nguyễn Bá Thanh ()	Khí cụ điện Phạm Quang Thắng ()					Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)		Cụm chuyên đề Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		7						Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			
		8								Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)																			
		9						Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)																			Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.302)			
		10																												
Thứ 6 03/05	Sáng	1	Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)		Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Vật lý và hóa học ứng dụng Hà Thanh Sơn (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Đo lường điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Đo lường điện Ng Hồng Thao ()	Ktra: Tiếng anh 2-1-2-2023(N09) (TV.301)									Đo lường Nguyễn Việt Cường (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật hàn Lê Trung Thịnh (H6.101)	Vật liệu Lê Đức Quảng (H3.105)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thúy (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)			Máy và dụng cụ cắt Chu Mạnh Hùng (X10.101_PHLT Khoa CK)		Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6	Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.208_Khoa SP-KT)	Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Quản lý các mối quan hệ dịch vụ Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà ()	Khí cụ điện Trần Thị Thơm ()	Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()							Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		7								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)																Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)			
		8						Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.302)																						
		9						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)																Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)			
		10						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)																			Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
Thứ 7 04/05	Sáng	1			Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)																		Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)	Máy và dụng cụ cắt Chu Mạnh Hùng (X10.101_PHLT Khoa CK)		Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.02_Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		2																												
		3																												
		4																												
		5																												
	Chiều	6						Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					Khí cụ điện Phan Thị Lý ()	Đo lường điện Đỗ Tiến Phong ()							Tách: Kỹ thuật điện-1-2-2023(N03) Dương Thanh Huệ (...) Kỹ thuật điện-1-2-2023(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Tách: Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N05) Nguyễn Văn Bảy (...) Khí cụ điện – điện tử-1-2-2023(N06) Lê Kiên Cường (...)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.302)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Tách: Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N01) Đỗ Anh Tuấn (...) Auto CAD - Topsolid-1-2-2023(N02) Vũ Minh Cường (...)
		7																												
		8						Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)																Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.302)			
		9						Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)																Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)			
		10								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 15: Từ 29/04 Đến 05/05/2024

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 29/04	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 30/04	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 4 01/05	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

LỚP			63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 02/05	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()				Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)				Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.211_TH Tin Đại cương)				Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.208_Khoa SP-KT)		Cơ sở dữ liệu Quách Thu Thảo (H3.204.TH KHOA TIN)			
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.202)			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)		Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo ()		Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7							Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)						Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)								Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.306)			
		8	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)								Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)					Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		9		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)											Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	
		10		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)										Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)					Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)						
Thứ 6 03/05	Sáng	1	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)			Mạng máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.211_TH Tin Đại cương)				Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)	Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Tiếng anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.106)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Cơ sở dữ liệu Quách Thu Thảo (H3.204.TH KHOA TIN)			
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn ()	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng ()	Hệ quản trị CSDL Access Lê Thị Châm ()	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.301)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Mạng máy tính Lê Sơn Thảo ()		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.204)	VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.303)
		7														Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.201)					Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.204)	
		8	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lí 2 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		VH_Tin học 2 Quách Thu Thảo (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.304)			Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		9	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)										Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)							Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		10	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
Thứ 7 04/05	Sáng	1																									
		2																									
		3				Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		Hệ quản trị CSDL Access Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)				Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)		Mạng máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.211_TH Tin Đại cương)				Tiếng anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.101)			Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)	Tiếng anh 2 Nguyễn Thị Nhàn (H3.106)	Tiếng anh 2 Trần Thu Hường (H3.104)		Tiếng anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.105)
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Cơ sở dữ liệu Lê Hoàng ()		Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H2.302_TH QTM)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.301)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.201)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Sơn Thảo ()	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		7														Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.307)					
		8	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()	Soạn thảo văn bản Nguyễn Hồng Loan ()		Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)				Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.301)					Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.303)
		9	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)							Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.201)					Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thúy Ngân (H5.306)			Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		10													Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)		Cụm chuyên đề Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)				Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	